

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST

Ngày 11-01- 2024

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NUỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Chí Lin
- Ông La Văn Việt

**Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Thoa – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 1230/2023/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 351/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Bà Đỗ Ngọc T, sinh năm 1962. Địa chỉ HKTT: Ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An(vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thành P, sinh năm 1962. Địa chỉ HKTT: Ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 10 năm 2023 và những lời trình bày tiếp theo do nguyên đơn bà Đỗ Ngọc T trình bày như sau:*

Về tình trạng hôn nhân: bà và ông Nguyễn Thành P trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau thời gian khoảng 03 tháng và tiến đến hôn nhân vào năm 1989 hai người có đăng ký kết hôn theo quy định Luật hôn nhân gia đình tại UBND xã A, huyện Đ, tỉnh Long An vào năm 2010. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu về sau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau. Bà và ông P đã ly thân từ tháng 01/2023 đến nay cả hai không có thiện chí hàn gắn. Nay bà kiên quyết xin được ly hôn với ông P.

Về con chung: hai người có hai con chung tên Nguyễn Tân C sinh năm 1990 (trưởng thành).

Tài sản chung: bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Ngoài ra bà không còn yêu cầu gì khác. Đồng thời bà xin xét xử vắng mặt.

*Bị đơn ông Nguyễn Thành P:* Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến gì về việc giải quyết vụ án cho Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Ngọc T nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “Ly hôn” là những tranh chấp theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Bị đơn ông Nguyễn Thành P có sinh sống tại địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về tư cách tố tụng, phạm vi giải quyết.

Bà Đỗ Ngọc T khởi kiện được xác định là nguyên đơn, ông Nguyễn Thành P được xác định là bị đơn. Tòa án chỉ xét xử trong phạm vi đơn khởi kiện của nguyên đơn.

[1.3]. Xét xử vắng mặt: bà Đỗ Ngọc T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà. Ông Nguyễn Thành P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông.

[1.4] Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: Bà Đỗ Ngọc T xác định có đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Thành P và có con chung. Chứng cứ là giấy chứng nhận kết hôn và giấy khai sinh con.

Pháp luật được áp dụng: Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về tình trạng hôn nhân: Xét hôn nhân giữa bà Đỗ Ngọc T và ông P nêu trên dựa trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà là phù hợp Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Cuộc sống chung vợ chồng không hợp nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai người phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 01/2023 đến nay cả hai không có thiện chí hàn gắn. Do đó Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông P đã đến mức

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho bà T được ly hôn với ông P.

[2.2] Đối với con chung: hai có một con chung tên Nguyễn Tấn C sinh năm 23/6/1990 (trưởng thành) nên khi giải quyết cho bà T và ông P ly hôn không đề cập xem xét.

[2.3] Về tài sản: Bà T khai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xử lý.

[2.4]. Về nợ chung: Bà T khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xử lý.

[2.5]. Ông P vắng mặt và không có văn bản phản hồi ý kiến về tài sản sản, nợ chung nên không đề cập xem xét.

[3] Về án phí, theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án, bà T được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước.

Vì các lý do trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Đỗ Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Thành P.

2. Về con chung: không đề cập xem xét giải quyết.

3. Về tài sản: không đề cập xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: không đề cập xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T được miễn án phí.

6. Án xét xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm vụ án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Mộng Thúy**